

KÍ ỨC VỀ CHIẾN TRANH VÀ NHỮNG BIỂU ĐẠT GIỚI CỦA PHỤ NỮ THỜI CHIẾN: ĐỌC *TIỂU THUYẾT ĐÀN BÀ* CỦA LÝ LAN

Đặng Thị Bích Hồng^{*1} và Vi Khiêm²

¹*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam*

²*Trường Đại học Ngoại ngữ Quảng Tây, Quảng Tây, Trung Quốc*

^{*}Tác giả liên hệ: Đặng Thị Bích Hồng, e-mail: dangbichhong@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 17/4/2026. Ngày sửa bài: 19/6/2026. Ngày nhận đăng: 15/7/2026.

Tóm tắt. *Tiểu thuyết đàn bà* của nữ văn sĩ người Việt gốc Hoa Lý Lan là tác phẩm viết về mối liên hệ giữa chiến tranh, phụ nữ và ký ức. Bài viết dựa trên các phương pháp nghiên cứu trường hợp, lịch sử xã hội, phân tích văn bản để tiếp cận vấn đề ký ức chiến tranh và những khuôn mặt phụ nữ thời chiến được tái hiện trong cuốn tiểu thuyết này. Từ góc nhìn đó, bài viết chỉ ra rằng, ký ức chiến tranh gắn với các không gian chiến trường, hậu phương, lao tù được mô tả như là bối cảnh để trình hiện những câu chuyện của nữ giới về bạo lực, mất mát, về gia đình, tình yêu, lẽ sống. Đó cũng cách nhà văn Lý Lan trả lại vị trí cho những trải nghiệm nữ giới ở khu vực văn học chiến tranh – những trải nghiệm từng bị lãng quên suốt nhiều thế kỷ bởi sự thống trị của các quan điểm thuộc về nam giới.

Từ khóa: chiến tranh, văn học chiến tranh, ký ức, phụ nữ, Lý Lan, *Tiểu thuyết đàn bà*.

WAR MEMORIES AND GENDERED REPRESENTATIONS OF WOMEN IN WAR: READING *WOMEN'S NOVEL* BY LÝ LAN

Dang Thi Bich Hong^{*1} and Vi Khiem²

¹*Hanoi National University of Education, Hanoi, Vietnam*

²*Guangxi Foreign Language University, Guangxi, China*

^{*}Corresponding author: Dang Thi Bich Hong, e-mail: dangbichhong@hnue.edu.vn

Received April 17, 2026. Revised June 19, 2026. Accepted July 15, 2026.

Abstract. *Women's Novel* by Vietnamese-Chinese writer Lý Lan explores the relationship between war, women, and memory. Using case study, sociohistorical, and textual-analysis methods, this article examines war memories and the representations of wartime women in the novel. From this perspective, the article demonstrates that wartime memory, described through spaces of the battlefield, the rear area, and imprisonment provide the setting for women's stories of violence, loss, family, love, and the meaning of life. In doing so, Lý Lan restores women's experiences in war literature – experiences that had been marginalized for centuries due to the dominance of male perspectives.

Keywords: war, war literature, memory, women, Lý Lan, *Women's Novel*.

1. Mở đầu

Trong *Ba đồng ghi - nê*, cuốn tiểu luận được công bố khi cuộc chiến tranh lớn đầu tiên của thế kỷ XX đã kết thúc và cuộc chiến tranh thứ hai đang đến gần, Virginia Woolf (1938) chỉ ra

rằng, “Lịch sử nói quá nhiều về chiến tranh; tiểu sử nói quá nhiều về những người đàn ông vĩ đại” (tr.107). Cũng vì thế, qua nhiều tác phẩm của mình, Woolf đã tạo dựng những câu chuyện thay thế nhằm khuyến khích, truyền cảm hứng và trao quyền cho phụ nữ. Từ nửa sau thế kỉ XX, nghiên cứu về phụ nữ và chiến tranh đã trở thành mối bận tâm của nhiều học giả trên thế giới. Các nhà phê bình nữ quyền phương Tây tiên phong trong lĩnh vực này như Enloe (1983, 1990), Reardon (1985) đã lập luận một cách thuyết phục về sự cần thiết phải hiểu vai trò của nữ tính và nam tính trong các quá trình quân sự hóa và gây chiến. Với văn học Việt Nam đương đại, mối liên hệ giữa chiến tranh và nữ giới cũng đang được bàn ngày càng nhiều trong các diễn ngôn phê bình học thuật. Ở cuốn sách *Tự sự học về chiến tranh trong văn học Việt Nam đương đại* (Đỗ, 2018), bài viết “Motif đợi chờ trong văn học Việt Nam: Từ truyền thuyết nàng Vọng Phu đến một số tự sự hậu chiến (dưới góc nhìn phê bình giới)” đã phân tích khả năng của các tự sự trong việc gợi mở những góc nhìn khác về chiến tranh và chất vấn lại những giá trị vốn áp đặt vào người phụ nữ thông qua trưng dụng và cải biên biểu tượng Vọng Phu. Thái Phan Vàng Anh (2024) trong bài viết “Nữ giới và chiến tranh nhìn từ văn xuôi hậu chiến Việt Nam” đã tập trung làm rõ sự hi sinh, mất mát, đau thương và những phẩm chất đẹp đẽ của nữ giới trong văn xuôi hậu chiến Việt Nam. Đặc biệt, một số công trình đặt vấn đề nghiên cứu về văn học chiến tranh được viết bởi những cây bút nữ, có thể kể đến “Chiến tranh qua cảm thức nữ giới” của Lê Thị Hương (2014), “Chiến tranh nhìn từ truyện ngắn của một số cây bút nữ” của Lê Hương Thủy (2020), “Những lối kể khác về chiến tranh ở Việt Nam nhìn từ trường hợp các cây bút nữ” của Đặng Thị Thái Hà (2025)... Hướng tiếp cận này đã góp phần giải huyền thoại về giới tính trong văn học chiến tranh, một mặt thách thức quan niệm truyền thống rằng chỉ nam giới mới có những trải nghiệm chân thực về chiến tranh, mặt khác xem xét lại phản ứng văn hóa và vai trò của nữ giới đối với chiến tranh.

Là một trong số những cây bút nữ viết về chiến tranh, nhà văn người Việt gốc Hoa Lý Lan ở sáng tác của mình cũng chối từ việc tập trung vào hình tượng nam anh hùng và khái niệm nam tính thời chiến. *Tiểu thuyết đàn bà*, cuốn sách tiêu biểu của Lý Lan ở mảng đề tài này, xoay quanh những cuộc đời “chỉ khác nhau ở tiểu tiết, và vẫn giống nhau ở cùng bi kịch: làm đàn bà trong một đất nước chiến tranh” (Ngô, 2011, tr.218). Câu chuyện về những cuộc đời đàn bà ấy được kể chủ yếu qua điểm nhìn của nhân vật chính – nữ nhà văn Thoa, một cựu tù Côn Đảo, người vẫn ngày ngày phải chịu đựng những di chấn nặng nề từ cuộc chiến. Tác phẩm từ đó tái dựng kí ức chiến tranh gắn với nhiều bối cảnh khác nhau: trên chiến trường, nơi hậu phương, chốn lao tù, đồng thời cho thấy cách nữ giới dự phần vào chiến tranh – những người vừa kinh qua tình huống bi hùng thời chiến, vừa gánh nỗi nhọc nhằn hậu chiến. Trên cơ sở phương pháp luận nghiên cứu kí ức và phê bình nữ quyền, bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu trường hợp, lịch sử xã hội, phân tích văn bản để tiếp cận vấn đề kí ức chiến tranh và những khuôn mặt phụ nữ thời chiến trong *Tiểu thuyết đàn bà*, từ đó góp tiếng nói vào những thảo luận học thuật về mối liên hệ giữa phụ nữ và chiến tranh trong văn học Việt Nam đương đại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khung cảnh chiến tranh – trường xuất hiện của nhân vật nữ

Bàn về mối liên hệ giữa chiến tranh và nữ giới, nhiều nhà phê bình nữ quyền chỉ ra rằng văn học chiến tranh suốt một thời gian dài là kênh sao chép các quan niệm truyền thống về giới tính, do đó, “cùng cố những niềm tin của thể chế gia trưởng” (Farrell, 2003, tr.1). Trong khi đàn ông và nam tính liên quan đến chiến tranh, xâm lược thì phụ nữ và nữ tính gợi hình dung về cấu trúc xã hội thụ động, hòa bình. Sự phân biệt nam giới là kẻ xâm lược và phụ nữ là nạn nhân thụ động dẫn đến tình trạng chối từ tiếng nói và sự hiện diện của phụ nữ trong chiến tranh. Susan Farrell chỉ ra rằng: trong những ghi chép về chiến tranh thế kỉ XX, các nhân vật nữ hiếm khi tồn tại ngoại trừ các vị trí ngoại vi, được miễn khỏi bạo lực chiến tranh và do đó, họ không biết gì về những trải nghiệm chiến tranh thực sự cũng như hậu quả khủng khiếp của nó. Chối từ góc nhìn nam giới trung tâm luận, phê bình nữ quyền trả lại tiếng nói cho nữ giới trong những tác phẩm văn học về

đề tài chiến tranh. Nhiều tác phẩm văn học viết về chiến tranh trở thành đối tượng nghiên cứu để cho thấy những trải nghiệm phong phú của giới nữ. Ở trường hợp *Tiểu thuyết đàn bà*, bối cảnh chiến tranh được Lý Lan tái hiện như là trường xuất hiện của nhân vật nữ. Mặc dù tác giả chọn khung thời gian trần thuật là thời điểm đất nước Việt Nam yên tiếng súng, nhân vật trung tâm là nữ nhà văn Thoa, sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, đang viết một cuốn sách về gia tộc, đón cháu gái Không Bé từ Mỹ trở về tìm mẹ Liễu đã mất liên lạc vài ngày nhưng từ mạch sự kiện ấy, không gian kí ức thời chiến gắn với câu chuyện về những thế hệ đàn bà được nhắc nhớ liên tục qua ba mạch chồng lấn vào nhau, đó là không gian rừng, không gian mái nhà và không gian lao tù.

2.1.1. Không gian rừng như một vùng chiến sự

Trong nhiều cuộc chiến tranh ở Việt Nam, không gian rừng rậm đã được khai thác như một địa bàn chiến lược, là chốn “nuơng minh” của những nghĩa quân yêu nước trong lịch sử chiến tranh trung đại, nơi “che bộ đội”, “vây quân thù” trong những cuộc chiến tranh hiện đại. Đi vào *Tiểu thuyết đàn bà*, rừng nổi dài kí ức tập thể của cộng đồng Việt về một không gian gắn liền với nhiều kỳ binh biến. Thời ông tổ của Thoa, rừng “chứng kiến những trận đánh bằng gươm, giáo, mác, gậy, hoặc tay không. Những trận đánh không kéo dài, cũng không thường xuyên, và trận tung bừng nhút cũng không náo động quá một góc rừng” (Lý, 2011, tr.17). Đó là kí ức về không gian trận mạc của những cuộc chiến tranh thời phong kiến, khi những phương tiện, vũ khí tối tân chưa được con người phát minh ra để hủy diệt lẫn nhau và hủy diệt môi trường sinh thái. Do vậy, “khi vó ngựa đã xa xăm, tiếng gươm giáo tắt lịm, chim muông lại hội về, cây cỏ lại mọc xanh, tuần tự đơm hoa kết trái” (Lý, 2011, tr.18). Thời này, rừng được xem như là nhà, một không gian tránh trú an toàn, nơi “đu hoa trái cho cả muông thú lẫn con người” (Lý, 2011, tr.121). Và vì thế, bà tổ Mọi dù sống giữa rừng ồn náo tiếng những đoàn binh rượt đuổi, truy kích lẫn nhau thì vẫn bình thản như không hề biết đến chiến tranh, vẫn “tồn tại thoải mái an vui giữa tự nhiên” (Lý, 2011, tr.121). Thời cậu Hai của Thoa, rừng “là những căn cứ dưới lòng đất, những con đường bí mật, những bãi mìn, và những hố bom mà cây cỏ cháy xém bên miệng hố còn âm ỉ khói” (Lý, 2011, tr.17). Rừng trở thành một chỉ báo cho thấy mức độ khốc liệt của chiến tranh hiện đại. Thời kỳ này, với những người dân sống ở vùng tranh chấp, lựa chọn lên rừng được hiểu là đi làm cách mạng. Thoa đã từng chứng kiến nhiều người thân trong gia đình mình lựa chọn lên rừng. Cậu Hai lên rừng bỏ lại phía sau tiếng gọi của ông ngoại, cậu Năm lên rừng theo lời nhắn gọi của cậu Hai, dì Ba lên rừng khi ông ngoại kêu tên cậu Hai đến kiệt sức mà chết... Đến lượt mình, trước rất nhiều những ngã rẽ của tuổi trẻ: đi du học, ở lại quê hương, Thoa cũng quyết định lên rừng (chỉ có điều chưa vào được đến rừng thì Thoa đã thất bại ngay từ lần thực hiện nhiệm vụ cách mạng đầu tiên và bị bắt đày ra Côn Đảo). Rừng là địa bàn chiến lược để bộ đội giải phóng trú ngụ và tổ chức tấn công quân thù. Ngược lại, quân thù tìm mọi cách phá hủy rừng để tiêu diệt bộ đội giải phóng. Hậu quả là, các loại chất độc hóa học dội xuống đã khiến những khu rừng nhiệt đới vốn rậm rạp bị tàn phá nặng nề và mất khả năng tái sinh tự nhiên. Kí ức của Thoa về rừng thời gian này là địa điểm “bị thuốc khai quang và bom napalm Mỹ tiêu hủy” (Lý, 2011, tr.121). Rừng trở đi trở lại trong những cơn chiêm bao như một ám ảnh về sự tổn thương chết chóc, khi là hình ảnh “người đàn ông đi qua mặt Thoa, đi miết vô rừng, máu thấm qua lớp vải quần chân để lại từng dấu đỏ au trên lá mục” (Lý, 2011, tr.16), khi là hình ảnh “những hố bom toang hoác, sâu thẳm, cây cỏ bên mép còn âm ỉ tỏa khói” (Lý, 2011, tr.67). Rừng gánh chịu những tổn thương sinh thái từ tác động của chất độc hóa học do quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh, và những tổn thương ấy tác động đến tâm trí con người ngay cả khi họ đã bước ra ngoài cuộc chiến. Các chi tiết về rừng xuất hiện trong giấc mơ của Thoa là ảnh chiếu tình trạng sang chấn tinh thần mãn tính mà cô phải chịu đựng. Như vậy, dù ở tầng ý thức hay vô thức của nhân vật, không gian rừng trong cuộc chiến chống Mỹ đều gắn với những kí ức về sự chấn thương, mất mát.

Điều đặc biệt ở đây là, rừng xuất hiện trong câu chuyện của Thoa thuộc về địa điểm kí ức bậc hai, tức là nơi mà Thoa ghi nhớ, viết lại từ kí ức của những người khác. Từ “kí ức” trở thành một ẩn dụ cho việc hình thành các câu chuyện về quá khứ khi những người trực tiếp trải nghiệm

các sự kiện đã qua đời. Thuở nhỏ, Thoa chủ yếu tiếp nhận thông tin về những thế hệ trước trong gia đình qua lời kể của bà ngoại. Truyền miệng trở thành phương thức lưu giữ những câu chuyện xa xưa về cụ tổ và bà tổ Mọi, một phương thức dù thường bị phủ nhận nhưng lại có khả năng sống dai dẳng. Theo truyền thuyết, “ông Tổ sau mấy chục năm bôn ba phò Chúa Nguyễn đã bỏ vô rừng ở ẩn và có một đứa con trai với bà Tổ Mọi” (Lý, 2011, tr.23). Khi trưởng thành, Thoa dựa vào mối liên hệ với kí ức văn hóa và sách vở để truy tìm những dấu mốc lịch sử thời cụ Tổ. Sách giúp Thoa hồi cố chính xác những sự kiện lịch sử diễn ra trong quá khứ. Trong sự đọc của Thoa, có thể thấy, hơn 100 năm từ 1674 đến 1789, lịch sử được đánh dấu qua nhiều cuộc binh biến. Và trong quãng thời gian hơn 100 năm đó, Thoa muốn tìm kiếm đáp án cho câu hỏi: ông bà Tổ đã gặp nhau vào thời điểm nào của lịch sử? Câu hỏi ấy nằm trong chiến lược lưu giữ kí ức khi Thoa lựa chọn viết một cuốn sách về lịch sử dòng họ mà cô gọi là “tiểu thuyết đàn bà”. Bằng kỹ thuật siêu hư cấu, Lý Lan hé lộ một phần cuốn tiểu thuyết đang thành hình của nhân vật nữ văn sĩ Liên Thoa: tình huống cuộc gặp gỡ của người đàn ông trận mạc và người đàn bà hoang dã giữa đại ngàn. Sự kiện ấy, nhìn từ cây phả hệ, là cột mốc khai sinh cả một gia tộc nhiều biến động trải mấy trăm năm. Ở đây, sự đọc và viết của Thoa là một cách hiện thực hóa kí ức, làm cho những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ được sống lại một lần nữa ở thời điểm hiện tại. Hành trình đọc, viết đó trở thành cầu nối giữa những người đã trực tiếp sống những tháng năm chiến trận nơi rừng sâu núi thẳm với những người nhìn lại vùng không gian ấy, xóa nhòa vách ngăn của thời gian, cái chết và sự lãng quên.

2.1.2. Mái nhà và lao tù từ những kí ức thời chiến

Từ điểm nhìn của nhân vật nữ nhà văn Thoa, nếu rừng được nhớ lại từ kí ức của những người khác thì mái nhà và lao tù là những nơi chốn mà nhân vật trực tiếp trải nghiệm từ thuở ấu thơ đến khi trưởng thành. Cả hai vùng không gian này đều lưu dấu những kí ức đau thương thời chiến.

Mái nhà của ngoại là không gian có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc đời Thoa, nơi cô và những người chị em của mình cùng nhau vui đùa, cùng nhau lớn lên trong thiếu thốn. Cũng ở đó, cô từng tận mắt chứng kiến những người thân trong gia đình mình phải hứng chịu cái chết thảm thương vì bom đạn. Thoa nhớ lại: “Chị Đen đi rồi. Bà ngoại kêu dì Bảy về đem Liễu lên Sài Gòn, kêu ba Thoa về đem con lên Chợ Lớn. Bom nổ ngay bụi chuối sau hè” (Lý, 2011, tr.66). Trong chiến tranh chống Mỹ, Nam Bộ ít có sự phân định rạch ròi ranh giới giữa hậu phương và vùng chiến sự. Những nguy hiểm, bất trắc của bom đạn, vì thế, có thể đổ xuống đầu mỗi người dân thường bất cứ lúc nào. Và tình huống tàn bạo ấy sẽ vĩnh viễn trở thành nỗi ám ảnh chết chóc với người phải trực tiếp đi qua nó, đặc biệt là với một đứa trẻ. Thoa được sống sót để kiểm nghiệm cách mà chấn thương tâm lý sau sự kiện “bom nổ ngay bụi chuối sau hè” đó trở đi trở lại ám ảnh cô sau này. Hiện tại thường xuyên gợi nhắc quá khứ, buộc Thoa phải nhớ lại cảnh tượng “Hai bà cháu văng xuống đất, ngoại ôm Thoa lăn vô gầm bộ ván [...] cậu Chín còn nằm trên võng, thân thể dường như còn giật giật, máu tươi đang chảy long tong xuống nền đất.

Ngoại chưa kịp nhào tới chiếc võng thì nhìn thấy dì Mười nằm cạnh bụi chuối tan hoang” (Lý, 2011, tr.125-126). Mái nhà trở thành nơi cứu sống Thoa và bà Ngoại. Bên ngoài mái nhà, cậu Chín, dì Mười cùng chung số phận với cây cối trong khu vườn, phải hứng trọn trận bom tàn khốc. Đây là lần đầu tiên Thoa tiếp xúc trực tiếp với chiến tranh và tận mắt chứng kiến sự tác động tàn khốc của nó lên những thường dân vô tội. Cuộc chạm trán gần gũi với cái chết và sự hủy diệt đã để lại trong Thoa những sang chấn tâm lý dữ dội mà mãi về sau này, khi đất nước đã yên tiếng súng, kí ức về khu vườn tan hoang vì bom đạn vẫn thường xuyên sống lại trong tâm trí cô. Người đàn bà đi qua chiến tranh ấy đã cần một khoảng thời gian rất dài để chuyển đổi chấn thương thành câu chuyện và đó là cách để con người nhìn lại quá khứ đau thương, của cá nhân và của cả cộng đồng.

Bên cạnh không gian mái nhà, nơi lưu giữ kí ức tuổi thơ cùng những tàn phá đau thương của bom đạn, *Tiểu thuyết đàn bà* còn tái hiện một vùng không gian khác vô cùng đặc biệt: không gian lao tù. Trong kháng chiến chống Mỹ, Thoa từng là một nữ tù Côn Đảo. Sự kết nối tâm trí nhân

vật vời quá khứ ngục tù cả tầng ý thức lẫn vô thức vừa gợi nhắc những ám ảnh bạo lực, vừa cho thấy bản lĩnh kiên cường của người chiến sĩ cộng sản.

Nhà tù Côn Đảo được biết đến là “nhà tù lớn nhất, ác nghiệt nhất, được mệnh danh là “địa ngục trần gian”, cách xa đất liền, nơi tường chừng những người tù bị tách khỏi Đảng và quần chúng nhân dân, không thể nào đương đầu với bộ máy khủng bố ngày càng tinh vi và tàn bạo” (Phạm, 2010, tr.7) của thực dân, đế quốc. Trong *Tiểu thuyết đàn bà*, Thoa liên tục phải sống lại những tháng năm bị giam cầm tại “địa ngục trần gian” ấy theo nhiều cách khác nhau, khi qua sự nhớ lại, khi qua những giấc mơ. Trước hết, thân thể Thoa chính là một lí do nhắc nhớ quá khứ lao tù bởi sự đeo đẳng của tình trạng ghẻ lở. Ngày ra tù, hai bàn tay Thoa “ghẻ lở rỉ mủ vàng giữa kẽ các ngón tay” (Lý, 2011, tr.8). Người phụ nữ ấy được trả tự do, được sống giữa một đất nước hòa bình nhưng thân thể cô vĩnh viễn không thể nào trở lại trạng thái bình thường. “Khi thân kinh rối loạn, Thoa quào sâu vào da thịt mình, bấm ngón tay lún vào những mụn ghẻ, bật cả máu tươi ra. Con đã ngứa kèm nỗi đau xé, và cả sự nhiễm trùng” (Lý, 2011, tr.99). Sự hành hạ từ những cơn ngứa cùng lúc gợi về kí ức của “tất cả những trận đòn, những cực hình, tra tấn, làm chết đi sống lại, làm mù mắt, điên khùng bất cứ kẻ nào” (Lý, 2011, tr.99-100). Nhà tù Côn Đảo trở thành biểu tượng của tình trạng bạo lực chiến tranh vượt quá ngưỡng chịu đựng của con người.

Kí ức về những tháng năm lao tù đồng thời tồn tại trong vô thức, thể hiện qua giấc mơ, những cơn mộng du của Thoa. Trong mơ, Thoa liên tục bị ám ảnh về quãng thời gian tranh đấu khổ sở, và kết cục, giữa giấc ngủ, “Thoa chợt bật dậy, vùng nhảy ra khỏi giường, chạy lại cửa sổ, nắm song sắt mà gào. “Đã đảo đàn áp! Đã đảo ngục tù! Tự do! Tự do!” (Lý, 2011, tr.45). Chấn song cửa sổ khi ấy trở thành song sắt nhà tù. Nó biểu đạt một thứ khoảng cách hữu hình, vừa tước đoạt tự do, vừa ngăn cách những con người cùng chí hướng, cùng đức tin. Những câu hỏi dồn dập, nhức nhối bật lên: “Làm sao bề vụn những song sắt? Làm sao đập nát những bức tường? Làm sao xóa được khoảng cách?” (Lý, 2011, tr.64). Trong chiến tranh, Thoa đã bị giam giữ bởi nhà tù đế quốc. Sang thời bình, cô bị giam giữ một lần nữa bởi kí ức.

Nhà tù Côn Đảo trong kháng chiến chống Mỹ là không gian gắn liền với sự khốc liệt của bạo lực, chết chóc, nhưng Côn Đảo cũng là chốn tôi luyện bản lĩnh cách mạng của những người chiến sĩ cộng sản. Người bạn tù và ca từ cách mạng có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình vượt lên những đau đớn thể xác của Thoa, cho cô sức mạnh để quên đi nỗi tuyệt vọng và hướng về sự sống. Cô kể lại với Không Bé, cháu gái của mình rằng, “khi đi kiệt sức và tuyệt vọng trong tù, dì đã nghe bài hát đó lần đầu tiên, đã yêu người hát bài ca đó” (Lý, 2011, tr.209). Một người đàn ông và một người đàn bà giữa lao tù đế quốc đã lặng lẽ gắn kết với nhau qua âm thanh tiếng hát. Sâu hơn, giữa họ có sự kết nối vô hình mà bền chặt bởi cùng chung những trải nghiệm tra tấn đau thương, cùng chung chí hướng cách mạng.

Có thể nói, không gian mái nhà và không gian lao tù là những nơi để lại trong tâm trí Thoa ám ảnh dai dẳng nhất về năm tháng chiến tranh. Cô đã phải vật lộn với kí ức của mình suốt quãng thời gian hòa bình, và trong sự vật lộn đó, gương mặt chiến tranh, nói như O’Brien (2009), “là địa ngục, nhưng đó chưa phải là tất cả, bởi vì chiến tranh còn là bí ẩn, kinh hoàng, phiêu lưu, can đảm, khám phá, thánh thiện, thương hại, tuyệt vọng, khao khát và tình yêu” (tr.76). Theo cách này, chiến tranh gợi lại vô số cảm xúc có xu hướng tương phản với nhau, và điều đó phản ánh sự mâu thuẫn trong những trải nghiệm của con người thời chiến.

2.2. Những biểu đạt giới của phụ nữ trong chiến tranh

2.2.1. Chân dung nữ nhân – chiến sĩ: vẻ đẹp của tinh thần đấu tranh cách mạng

Những thân phận đàn bà, như nhân vật nhà văn Thoa nhận định, phong phú hơn tất cả mọi sự tưởng tượng của tiểu thuyết, đã đem lại hình dung về nhiều cách khác nhau mà giới nữ dự phần trực tiếp vào chiến tranh. Đó là bà ngoại, người nuôi giấu một chiến sĩ cách mạng trong chiếc lu sành góc buồng. Hành động của ngoại cho thấy không phải tất cả những người phụ nữ lựa chọn đứng về phía cách mạng đều nhất thiết là thành viên trong một đường dây hoạt động có tổ chức.

Đó là dì Ba, như lý lịch được truyền kể trong gia đình, tham gia kháng chiến chống Pháp từ năm mười lăm tuổi, rồi tập kết ra Bắc, rồi đi học ở nước ngoài, rồi kết hôn và cùng chồng làm việc trong ngành ngoại giao, có một người con gái tên Hạnh và một người con trai tên Hùng. Đây là phần nổi của thông tin, là mảng hiện thực những người khác có thể dễ dàng xác thực. Nhưng cuộc đời một người phụ nữ từng tham gia cách mạng từ thuở 15 như dì Ba có những mảng chìm mà nhiều khi chính họ phải nén sâu chôn chặt. Phả hệ gia đình không một lời nhắc tới chị Đen và cha của chị. Sự hiện diện của Đen, cô bé tóc quăn, môi đầy, da đen có thể bắt nguồn từ việc một tên lính Lê Dương đã cưỡng hiếp dì Ba, một thôn nữ làng Quý Nhơn và bản thân anh ta không hề biết rằng mình để lại một đứa con ở mảnh đất ấy. Người nắm giữ bí mật của dì Ba là cậu Hai, người vừa là anh trai, vừa là đồng chí. Đó là chị Đen, đứa trẻ mang trong mình dòng máu lai, lớn lên cũng chọn con đường tham gia cách mạng và “công tác xuất sắc dưới lốt nhân viên quét dọn trong Sở Mỹ” (Lý, 2011, tr.203). Kết cục, chị có thai với một người lính Mỹ, bị tổ chức khép vào tử tội, tình cờ thoát chết và sống một cuộc đời khốn khó để nuôi lớn con trai mình. *Tiểu thuyết đàn bà*, như vậy, dựng lên chân dung những người phụ nữ phục vụ cách mạng theo nhiều cách khác nhau, nhưng để đi trên con đường ấy, không ít người trong số họ đã phải đối mặt với tình huống nguy hiểm liên quan đến bản tính sinh học giới nữ: bị cưỡng hiếp, có thai, sinh con. Thực tế là nguy cơ bị lạm dụng tình dục là những vấn đề xã hội phức tạp liên quan đến quan hệ giới tính bất bình đẳng và bạo lực giới. Nó phản ánh sự yếu thế của phụ nữ trong cấu trúc quyền lực giới tính khi thân thể họ trở thành một chỉ báo củng cố sức mạnh/ vũ lực nam giới. Tuy nhiên, trình trạng lạm dụng tình dục chắc chắn trở nên trầm trọng hơn trong hoàn cảnh chiến tranh khiến phụ nữ bị đặt vào vị trí dễ bị rủi ro bởi xung đột. Và những người đàn bà trong cuốn tiểu thuyết của Lý Lan đã im lặng đi qua tình huống nguy hiểm, khổ đau đó để thực hiện các nhiệm vụ cách mạng mà tổ chức giao phó. Vì thế, dù đề cập tới vấn đề “chính trị giới tính” (chữ dùng của Kate Millett qua cuốn sách kinh điển của bà về phê bình nữ quyền mang tên *Sexual Politics*), *Tiểu thuyết đàn bà* vẫn không phải là cuốn sách viết về quyền lực nam giới đối với thân thể nữ giới nhằm góp tiếng nói đấu tranh giải phóng phụ nữ khỏi tình trạng bất bình đẳng giới mà cho thấy cách người phụ nữ hoặc chấp nhận, hoặc che giấu những bi kịch cá nhân để có thể tròn vai nữ nhân – chiến sĩ trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Hình tượng nữ nhân – chiến sĩ được khắc họa sắc nét nhất trong *Tiểu thuyết đàn bà* là nhân vật Thoa, người tham gia cách mạng khi ở tuổi niên thiếu và kinh qua những tháng năm tuổi trẻ trong lao tù đế quốc. Thoa quyết định làm cách mạng vì cô “đọc trong một tờ báo Mỹ rằng chỉ cần hai đô la là mua được một cô gái Việt Nam” (Lý, 2011, tr.172). Không chấp nhận cái nhìn coi thường giá trị của người phụ nữ Việt, Thoa quyết định cầm súng thay vì lên đường du học theo sự sắp xếp của cha. Điều này có nghĩa là, Thoa chiến đấu với ý tưởng đập tan luận điệu phi báng của truyền thông Hoa Kỳ về phụ nữ Việt Nam, vừa để khẳng định vị thế dân tộc, vừa để đòi lại tự tôn giới nữ. Nếu Thoa đồng ý xuất ngoại, con đường phía trước của cô hứa hẹn một không gian sống không bom đạn, một nền giáo dục tiên tiến, một tương lai rộng mở. Nhưng bỏ lại tất cả những viễn cảnh tươi sáng đó, Thoa quyết định đi trên một con đường đầy hiểm nguy, đầy gian khổ, nói như Tố Hữu, con đường “dấn thân vô là phải chịu tù đầy”. Trong những tháng ngày Thoa khổ sở, bất lực ở chuồng cọp Côn Đảo, câu chuyện tình yêu giữa Thoa với người bạn tù mà sau này cô sẽ lấy làm chồng rất gần với câu chuyện tình yêu trong nhiều tác phẩm văn học thời kỳ 30 năm chiến tranh: họ yêu nhau vì lí tưởng. Thoa sống sót qua những trận đòn thù ở nhà tù Côn Đảo vì ca từ vọng lại từ bên kia bức tường chết chóc. “Tiếng ca bị dập xuống, ngoi lên, gãy gục, vươn tới, nát tan” (Lý, 2011, tr.65): *Ta hát chung tiếng ca vang dội từ nghìn phương xa/ Xua kẻ thù đi mau, đập tắt chiến tranh dẫm máu/ Đập tan ngay bao đau khổ và chia ly* (“Tình ca” của nhạc sĩ Hoàng Việt, trích trong Lý, 2011, tr.99). Đó là cách người chiến sĩ cộng sản có được sức mạnh tinh thần để vượt lên trên những đòn đau thể xác, để sống và chiến đấu.

2.2.2. Người đàn bà chăm sóc: một diễn giải về phẩm tính nữ

Trong chiến lược kẻ kí ức, việc chia sẻ câu chuyện đem lại cho người kẻ cảm giác thuộc về một “cộng đồng văn hóa”. Ở *Tiểu thuyết đàn bà*, “cộng đồng văn hóa” được kiến tạo theo mô hình giới nữ độc lập nhen lên sự sống và di dưỡng mạch sống, khởi đầu từ cuộc đời bà tổ Mọi. Khi ông tổ dắt con trai rời rừng trở về cố hương, bà tổ lẳng lặng theo ông tới quê chồng. Sau mấy năm đằng đẵng xê dịch, ông tổ đến được quê thì chết vì tuổi già, bà lại mang con trai xuôi về rừng phương Nam, dắt theo một cô công chúa sau này sẽ là người kết duyên cùng con trai bà để phát triển dòng họ, để nối dài “cộng đồng văn hóa” với những người đàn bà như Ngoại, như dì Bảy, như chị Đen, như Liễu, như Không Bé... Khác nhau về thể hệ, khác nhau về hoàn cảnh sống, nhưng ở họ có một đặc điểm chung, đó là đều cáng đáng vai trò chăm sóc những người khác, đều một tay gồng gánh gia đình.

Thông qua dòng hồi ức của Thoa, *Tiểu thuyết đàn bà* mở ra phả hệ một gia đình mà những người hiện diện chủ yếu là phụ nữ. Bà ngoại Thoa sinh mười người con. Thời buổi chiến tranh loạn lạc khiến các con ngoại li tán: cậu Hai, cậu Năm lên rừng làm cách mạng, cậu Ba ở bên Tây, cậu Tám bị bắt lính, dì Ba không ai biết ở đâu, má Thoa đã chết, dì Bảy đem Liễu lên Sài Gòn, cậu Chín và dì Mười tan xác cùng bụi chuối... Ngoại hết chăm bầy con lại chăm đàn cháu, đến khi nhắm mắt xuôi tay vẫn chưa thôi khắc khoải tin tức về đứa cháu gái theo cậu làm cách mạng chưa về. Đến thế hệ của Thoa, của Liễu, của chị Đen, họ lại tiếp tục hành trình làm vợ và/ hoặc làm mẹ trong những hoàn cảnh vô cùng ngặt nghèo. Liễu chấp nhận làm vợ một người đàn ông có gia thế vững vàng để đảm bảo sự bình yên cho gia đình. Chị Đen thuở nhỏ sống với ngoại, phụ bà chăm sóc Thoa, Liễu, nối dài những lời hát ru buồn não nuột từ bà sang cháu. Lớn lên chị Đen theo cậu Hai hoạt động cách mạng, có thai với một người đàn ông ngoại quốc sinh ra cậu con trai da đen mang tên Nguyễn Văn Dách. Hòa bình lập lại, chị tồn tại trong tình trạng vô căn tính, không hộ khẩu, sống bằng nghề đào bom bán sắt vụn – một công việc tiềm ẩn nhiều hiểm nguy để nuôi con với hy vọng ngày nào đó con chị có thể đến Mỹ tìm cha. Thế hệ phụ nữ tiếp theo, thế hệ của Không Bé – con gái Liễu, sinh ra trong chiến tranh, lớn lên ở hòa bình, kết hôn với Ted – một người đàn ông Mỹ nhưng cuộc sống ngày ngày vẫn vẫn không thoát ra ngoài trách nhiệm chăm chút nhà cửa, gia đình.

Trong *Tiểu thuyết đàn bà*, Lý Lan khắc họa nhân vật bà ngoại Thoa và Không Bé gắn liền với công việc nấu nướng, dọn dẹp dù họ sống cách nhau bốn thế hệ và nửa vòng trái đất. Bà ngoại sống trong thời buổi đất nước có chiến tranh. Đó là hoàn cảnh dễ tạo nên tình trạng phân chia lao động mang tính kỳ vọng/ định kiến giới: hầu hết những người đàn ông được điều động ra chiến trường, và việc lo toan đời sống gia đình, vì vậy, đặt lên vai giới nữ. Không Bé sinh ra trong chiến tranh nhưng cuộc đời cô chủ yếu thuộc về thời bình. Tuy nhiên, thay vì được đỡ đần công việc nhà, Không Bé lại phải gồng mình nhiều hơn để chăm lo gia đình, phải phân thân thành hai con người gần như rất ít liên quan tới nhau: một Betty cam chịu, nhẫn nhịn, nỗ lực, cố gắng không phạm sai lầm; một Không Bé thường xuyên cảm thấy yếu đuối, cô độc, sợ hãi và cần được chia sẻ. Khi Betty vắng mặt, Ted mới thật sự cảm nhận được sự quan trọng của cô. Người chồng ấy thậm chí cảm thấy lạ lẫm trong chính ngôi nhà của mình. Anh ta không biết hộp đồ ăn trong tủ đông lạnh là gì và phải duy trì năng lượng bằng cách ăn bánh mì ở tiệm. Anh ta không biết bột giặt để ở đâu, cũng không thể tìm được một cái áo sạch để mặc lên lớp. Điều này có nghĩa là, Không Bé đã luôn luôn đảm nhận tất cả mọi việc trong nhà và điều đó dường như được mặc định là nhiệm vụ của người vợ. Dù mối quan hệ giữa Không Bé và Ted được khắc họa như biểu tượng về một thế hệ mới có sứ mệnh hàn gắn những vết thương cũ giữa hai quốc gia nhưng nhìn từ góc độ tương quan giới, nhân vật Không Bé cho thấy sự phổ biến của quan niệm truyền thống về người đàn bà “nội tướng” trong gia đình. Trong khi đó, cuộc đời bà ngoại đại diện cho số phận của lớp phụ nữ thời chiến, thời những người đàn ông vắng mặt trong đời sống thường nhật, và vì thế, phụ nữ phải gánh vác trọn vẹn nhiệm vụ lo toan cho gia đình nơi hậu phương.

Đảm nhận công việc chăm sóc, từ góc độ căn tính nữ, có thể xem như hành động liên quan đến bản năng giới. Và từ góc độ này, *Tiểu thuyết đàn bà* cho thấy một vết thương khác mà chiến

tranh in hằn lên không ít thân phận nữ giới, đó là chiến tranh tước đi ở họ cơ hội để chăm sóc chính những đứa con của mình. Mẹ Thoa mất sớm nên “tất cả kí ức tuổi thơ của Thoa đều có bà ngoại. Và chị Đen” (Lý, 2011, tr.124), mẹ Đen “đi làm ăn xa [...] chừng nào cậu Hai về thì má con Đen cũng về” (Lý, 2011, tr.200-201), mẹ Liễu “đem Liễu về ngoại, chờ Liễu ngủ rồi đi trở lên Sài Gòn. Liễu thức dậy khóc đến khản tiếng, khóc đến nghẹt thở” (Lý, 2011, tr.63). Ngoại thay mẹ nuôi nấng những đứa cháu gái lớn lên và mong muốn chúng sẽ có một cuộc đời hạnh phúc bình yên. Nhưng rồi kết cục, mỗi đứa cháu ấy lại bước đi trên một con đường riêng với những nông nỗi bất hạnh khác nhau. Đặc biệt, cuộc đời chị Đen nhắc nhớ nỗi đau chiến tranh qua sự hiện diện máu thịt của một thế hệ mới: thế hệ những đứa con của cuộc chiến. Con trai chị, Nguyễn Văn Dách, mang trong mình hai dòng máu Việt Nam, Hoa Kỳ, và những đứa trẻ như con trai chị, nhiều khi phải gánh chịu sự kỳ thị từ cả hai cộng đồng. Bass (2003) trong cuốn sách nổi tiếng *Vietnamerica: Chiến tranh vẫn đang hồi hương* đã viết về hậu quả từ cuộc chiến tranh ở Việt Nam qua số phận những đứa trẻ Việt Nam mang nửa dòng máu Hoa Kỳ đi tìm cha của mình. Hàng ngàn đứa trẻ lai đã trở về quê cha sau khi Đạo luật Đoàn tụ con lai được Quốc hội Hoa Kỳ thông qua vào tháng 12 năm 1987, tuy nhiên, không phải đứa trẻ nào tới Hoa Kỳ cũng có cơ hội đoàn tụ cùng gia đình bên nội. Trong *Tiểu thuyết đàn bà*, số phận bi kịch của người con lai được gọi ra khi Lý Lan đưa vào tiểu thuyết hai tình huống tồn tại bên cạnh nhau như hai mảnh ghép: tình huống gặp gỡ giữa Không Bé và Jack trên chuyến bay từ Mỹ về Việt Nam và tình huống Thoa mở tập tài liệu cậu Hai để lại với những thông tin về mẹ con chị Đen. Trong câu chuyện Jack kể về hành trình tìm cha ở Mỹ, bạn đọc không hình dung được cụ thể người đàn ông ấy đã phải trải qua những khó khăn nào trong cuộc va chạm văn hóa giữa một đất nước rộng lớn xa lạ, nhưng có một sự thực là, nỗ lực tìm cha như mò kim đáy bể đã kết thúc trong vô vọng. Chi tiết Thoa soi ngắm tấm hình chụp chung giữa chị Đen với con trai của mình, Gương mặt chị Đen vốn đã “thấp thoáng nỗi sợ hãi”, đã ẩn giấu “nỗi buồn chìm sâu trong đáy mắt”. Chắc hẳn là, gương mặt ấy sẽ còn sợ hãi và buồn đau hơn nữa nếu biết được rằng, con chị đã phải đánh đổi gần hai mươi năm tuổi trẻ để nhận về một kết cục bi đát là bị trả về trước điểm xuất phát: vừa không tìm được cha ở Mỹ, vừa lạc mẹ ở Việt Nam. Đó cũng là lời nhắc nhở sâu sắc về di chấn dài lâu của chiến tranh lên thân phận những người phụ nữ ngay cả khi tiếng đạn pháo đã ngừng vang.

3. Kết luận

Từ góc nhìn đối lập nhị phân theo quan điểm nam quyền trung tâm luận, chiến trường là không gian của nam giới/ nam tính và ngược lại, hậu phương là không gian của nữ giới/ nữ tính. Điều này khiến cho tiếng nói của nữ giới bị bỏ qua hoặc gạt sang ngoài vì ngay ở những không gian mà họ thực sự có mặt. Phê bình văn học nữ quyền đã góp phần phân bổ lại không gian bằng cách nhấn mạnh sự hiện diện của giới nữ ở cả những nơi từng được mặc định chỉ dành cho nam giới. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ ra rằng, nhân vật nữ xuất hiện ở nhiều vùng không gian thời chiến khác nhau, từ không gian rừng, không gian tù ngục đến không gian mái nhà. Nếu chốn rừng sâu hay nơi lao tù được mô tả như không gian của những trận đối đầu khốc liệt giữa các bên trong thời chiến thì mái nhà được hình dung như là vùng hậu phương. Qua đó, người phụ nữ đi vào trung tâm của câu chuyện về chiến tranh với nhiều vai khác nhau. Họ có thể là người chiến sĩ can trường trên mặt trận đấu tranh trực diện với quân thù, có thể là người đàn bà hậu phương đầy nữ tính/ mẫu tính gắn với chức phận chăm sóc. Thông qua những trang viết tái hiện kí ức về chiến tranh và chiến tranh trong kí ức giới nữ như thế, *Tiểu thuyết đàn bà* lại trở thành cuốn sách nói về chiến tranh ít hơn về thân phận con người. Ở đó, chiến tranh được mô tả như là bối cảnh để Lý Lan kể những câu chuyện về bạo lực, mất mát, về gia đình, tình yêu, lễ sống... Hành trình sống của những người phụ nữ trong *Tiểu thuyết đàn bà* một mặt hé lộ những khó khăn mà phụ nữ phải chịu đựng trong chiến tranh, mặt khác cho thấy sự kiên trì, nỗ lực bền bỉ của họ để chữa lành và mang lại ý nghĩa cho cuộc sống. Tác phẩm từ đó góp phần trả lại vị trí cho những trải nghiệm

nữ giới ở khu vực văn học chiến tranh – những trải nghiệm từng bị lãng quên suốt nhiều thế kỉ bởi sự thống trị của các quan điểm thuộc về nam giới.

Ghi chú về tác giả: TS. Đặng Thị Bích Hồng là giảng viên Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam. Vi Khiêm là giảng viên tại Khoa Tiếng Việt, Học viện Ngôn ngữ và Văn hóa Đông Nam Á, Trường Đại học Ngoại ngữ Quảng Tây, Trung Quốc, đồng thời là học viên sau đại học tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam. Tác giả 1 xây dựng ý tưởng, phương pháp, viết bản thảo phần Nội dung nghiên cứu và Kết luận, tổng hợp và chỉnh sửa, hoàn thiện bài báo; Tác giả 2 tập hợp Tài liệu tham khảo, viết phần Mở đầu.

Tuyên bố về xung đột lợi ích : Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 602.04-2023.06.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bass, T. A. (2003). *Vietnamerica: Chiến tranh vẫn đang hồi hương*. NXB Soho. (In English: Bass, T. A. (2003). *Vietnamerica: The War Comes Home*. Soho Press).
- Đặng, T. T. H. (2025). “Những lối kể khác về chiến tranh ở Việt Nam nhìn từ trường hợp các cây bút nữ”, *Chiến tranh và người lính Những tiếp cận liên văn hóa*. Kỷ yếu HTKH Quốc tế. NXB Văn học, Hà Nội, 200-209.
- Đỗ, H.N (cb, 2018). *Tự sự học về chiến tranh trong văn học Việt Nam đương đại*. NXB Lao động.
- Enloe, C. (1983). *Màu kaki có hợp với bạn không? Tình trạng quân sự hóa cuộc sống của nữ giới*. NXB Pluto. (In English: Enloe, C. (1983). *Does Khaki Become You? The Militarization of Women's Lives*. London: Pluto Press).
- Enloe, C. (1990). *Chuối, bãi biển và căn cứ: Chính trị quốc tế từ góc nhìn nữ quyền*. NXB Đại học California. (In English: Enloe, C. (1990). *Bananas, Beaches and Bases: Making Feminist Sense of International Politics*. Berkeley: University of California Press).
- Farrell, S (2003). “Tim O'Brien và vấn đề giới: một biện giải về *Những thứ họ mang*”. *Phê bình CEA* 66.1:1-21. (In English: Farrell, S (2003). “Tim O'Brien and Gender: A Defense of The Things they carried.” *CEA Critic* 66.1: 1-21. *Literature Resources from Gale*. Web. 30 May 2011).
- Lê, T. H. (2014). “Chiến tranh qua cảm thức nữ giới”. *Tạp chí Văn nghệ quân đội*. Số 792.
- Lê, H. T. (2020). “Chiến tranh nhìn từ truyện ngắn của một số cây bút nữ”. http://vannghequandoi.com.vn/binh-luan-van-nghe/chien-tranh-nhin-tu-truyen-ngan-cua-mot-so-cay-but-nu_11007.html
- Lý, L. (2011). *Tiểu thuyết đàn bà*. NXB Văn hóa – Văn nghệ.
- Ngô, T. K. C. (2011). “Những người đàn bà bị thất lạc”. *Tiểu thuyết đàn bà*. NXB Văn hóa – Văn nghệ, Hà Nội, 216-218.
- O'Brien, T. (2009). *Những thứ họ mang*. Boston: First Mariner Books. Print. (In English: O'Brien, T. (2009). *The Things They Carried*. Boston: First Mariner Books. Print).
- Phạm, V. Đ. (2010). “Lời tựa”, *Lịch sử nhà tù Côn Đảo 1862 – 1975* (Nguyễn Đình Thống, Nguyễn Linh, Hồ Sĩ Hành biên soạn). NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
- Reardon, B. (1985). *Phân biệt giới tính và hệ thống chiến tranh*. NXB Sư phạm, Trường Đại học Columbia. (In English: Reardon, B. (1985). *Sexism and the War System*. New York: Columbia University. Teachers College Press).
- Thái, P.V.A. 2024. “Nữ giới và chiến tranh nhìn từ văn xuôi hậu chiến Việt Nam”. <https://lyluanphebinh.vn/tin-tuc/nguyen-cuu-trao-doi/2669/nu-gioi-va-chien-tranh-nhin-tu-van-xuoi-hau-chien-viet-nam>
- Woolf, V (1938). *Ba đồng ghi - nề*. NXB Harcourt, Brace and Company. (In English: Woolf, V (1938). *Three Guineas*. New York: Harcourt, Brace and Company).